

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 126/2021/HS-PT
Ngày: 23/7/2021.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng.

Bà Lê Thị Thủy.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*

Bà Lê Thị Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2021/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 154/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo: **Trần Văn T**, tên gọi khác: Không - SN: 1990;

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Xóm, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Thái và con bà Nguyễn Thị Thu.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/6/2020, Bùi Thị G - SN 1990, trú tại thôn Đắc Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đã đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Thanh Hóa làm hộ chiếu để đi nước Nga, G cung cấp 01 thẻ căn cước công dân số 038189000380 cấp ngày 22/10/2019 mang tên là Lê Thị Hoa - Sinh ngày 15/6/1989, nơi thường trú: Xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình kiểm tra nghi vấn là căn cước công dân giả và được G khai nhận là nhờ

Nguyễn Thị H - Sinh năm 1988, trú tại Thôn 4, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm.

Cùng ngày làm việc với Nguyễn Thị H, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an Thanh Hóa đã thu tiếp của H 02 căn cước công dân gồm: Căn cước số 038080660798 cấp ngày 10/5/2020, mang tên là Nguyễn Đình Hải - Sinh ngày: 03/5/1980, nơi thường trú: Xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Căn cước số 038081670689 cấp ngày 24/12/2019, có tên là Nguyễn Đình Nam - Sinh ngày 12/5/1981, nơi thường trú: Xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Kết luận giám định số 1689/PC09 ngày 24/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã nêu: 03 (Ba) căn cước công dân số 038189000380, 038080660798 và 038081670689 gửi giám định là giả.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã lập biên bản thu giữ của Nguyễn Thị Việt 01 (Một) căn cước công dân số 038176005396; mang tên Nguyễn Thị Nga - Sinh ngày 20/04/1976, nơi thường trú: Thôn Nguyệt Bình, xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; thu của ông Trần Văn Thái (Bố của Trần Văn T) 01 (Một) căn cước công dân số 038091005396, mang tên Trần Đình Tiến - Sinh ngày 25/02/1991, nơi thường trú xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; thu của Hoàng Thị Nhung 01 (Một) căn cước công dân số 038196033238, mang tên Hoàng Thị Nhung - Sinh ngày 04/04/1996, thường trú xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Kết luận giám định số 1953/PC09 ngày 20/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã nêu: 03 căn cước 038176005396, 038091005396 và 038196033238 đều là giả.

Quá trình điều tra, đã xác định:

- Về hành vi của Bùi Thị G: Khoảng tháng 5/2020, trong một lần truy cập mạng xã hội facebook vào trang “Cộng đồng người Việt tại Nga” và đọc được nội dung cần làm thủ tục sang Nga thì liên lạc qua số điện thoại 0971.372.263 của Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, trú tại thôn Hiền Thụ, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. G và H đã thỏa thuận chi phí làm hộ chiếu với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Theo đó G chuyển cho H số tiền đặt cọc 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đồng thời chụp ảnh mặt trước, mặt sau chứng minh nhân dân của G và ảnh chân dung (3x4) cm gửi qua zalo cho H để làm căn cước công dân giả. Sau đó H đã liên lạc, móc nối qua mạng xã hội zalo với một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch có tên nick zalo “Phương Linh” để đặt làm căn cước công dân giả.

Đến ngày 03/6/2020, sau khi đã làm được căn cước công dân giả, H thông báo cho G vào Thanh Hóa nhận căn cước công dân để đi làm thủ tục cấp hộ chiếu. Sáng ngày 06/6/2020, G đón xe khách từ Kon Tum ra Thanh Hóa gặp H tại khu vực tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Tại đây H đưa cho G 01 căn cước công dân giả mang tên Lê Thị Hoa, sinh ngày 15/6/1989, trú tại xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhưng ảnh trong căn cước công dân là ảnh của G, đồng thời G chuyển tiếp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho H.

Sau đó, H liên lạc và thuê Phạm Văn Trung, Sinh năm 1992, trú tại số nhà 18/75 Vệ Đà, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa chở G đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục cấp hộ chiếu thì bị phát hiện. Tổng số tiền G đã chuyển cho H là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); H đã trả lại cho G số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Hành vi của Hoàng Thị Nhung: Khoảng tháng 2/2020, Nhung đã chủ động liên lạc qua điện thoại với H để nhờ làm hộ chiếu với chi phí 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Nhung đã chuyển tiền đặt cọc 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) cho H, đồng thời chụp ảnh mặt trước, mặt sau chứng minh nhân và ảnh chân dung (3x4) cm gửi qua zalo cho H để làm căn cước công dân giả.

Khoảng 01 tuần sau, H thông báo đã làm được căn cước và hẹn gặp Nhung tại khu vực tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Tại đây, H đã đưa cho Nhung 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Thị Nhung, sinh ngày 04/04/1996, số CCCD 038196033238, thường trú tại xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa và ảnh trong căn cước là ảnh của Nhung. Sau đó H nhờ Phạm Văn Trung chở Nhung đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để kê khai làm thủ tục cấp hộ chiếu. Tuy nhiên đến hẹn, Nhung được thông báo không được cấp hộ chiếu với lý do trước đó đã được cấp hộ chiếu tại Công an tỉnh Nghệ An. Tổng số tiền Hoàng Thị Nhung đã chuyển cho Nguyễn Thị H là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); hiện tại H đã trả lại cho Nhung số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Hành vi của Trần Văn T: Vào khoảng đầu năm 2020, qua việc trò chuyện tình cờ với bạn đang lao động tại Nga thì được người này cho số điện thoại của Nguyễn Thị H để nhờ làm giấy tờ, thủ tục xuất cảnh sang Nga. Khoảng tháng 02/2020, T chủ động liên lạc với H để đặt vấn đề làm hộ chiếu với chi phí thỏa thuận 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). T đã đặt cọc trước số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đồng thời chụp ảnh mặt trước, mặt sau chứng minh nhân dân và ảnh chân dung (3x4) cm của mình gửi qua zalo cho H để làm căn cước công dân giả.

Khoảng 01 tuần sau, H thông báo cho T đã làm được căn cước công dân và hẹn gặp ở khu vực tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa để nhận căn cước công dân. Tại đây H đưa cho T 01 căn cước công dân mang tên Trần Đình Tiến, sinh ngày 25/02/1991 số CCCD 038091005396, thường trú tại xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhưng ảnh trong căn cước là ảnh của T và H nhờ Phạm Văn Trung đưa T đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục kê khai cấp hộ chiếu.

Sau khi làm xong thủ tục, T quay ra đưa lại căn cước công dân và giấy hẹn nhận hộ chiếu cho H và hẹn đến ngày lấy hộ chiếu thì ra gặp H rồi đưa nốt số tiền còn lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến hẹn, T quay ra thành phố Thanh Hóa gặp H nhận căn cước công dân và hộ chiếu mang tên Trần Đình Tiến. T đã chuyển cho H là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Ngày 13/8/2020, Trần Văn T đã đến Công an xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Hành vi của Nguyễn Thị Việt: Đầu năm 2020, Việt đã liên lạc với Nguyễn Thị H để đặt vấn đề làm hộ chiếu với chi phí 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Việt đã chuyển tiền đặt cọc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) qua tài khoản cho H và chụp ảnh mặt trước, mặt sau chứng minh nhân dân và ảnh chân dung (3x4) cm gửi qua Zalo cho H để làm căn cước công dân giả.

Như đã hẹn, Việt gặp H tại khu vực phía sau tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa để giao cho Việt căn cước công dân số CCCD 038176005396, mang tên Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 20/4/1976, thường trú tại thôn Nguyệt Bình, xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa nhưng ảnh trong căn cước là ảnh của Việt, đồng thời tiếp tục đưa cho H 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó H liên lạc nhờ Phạm Văn Trung đến chở Việt đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục kê khai cấp hộ chiếu.

Sau khi làm xong thủ tục, Việt đưa lại căn cước công dân và giấy hẹn lấy hộ chiếu cho H. Đến hẹn, do Việt không vào Thanh Hóa để nhận hộ chiếu được nên Nguyễn Thị H đã nhận hộ chiếu và chuyển qua đường bưu điện gồm căn cước công dân và hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Nga cho Việt. Tổng số tiền Việt đã chuyển cho H là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài hành vi làm giả căn cước nêu trên, Nguyễn Thị H còn thực hiện hành vi làm giả 02 căn cước khác, cụ thể:

- Căn cước công dân số CCCD 038080660798, cấp ngày 10/05/2020, mang tên Nguyễn Đình Hải, sinh ngày 03/05/1980, nơi thường trú; xã Minh Thọ, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa là do anh Đặng Trung Kiên, sinh ngày 30/9/1983 trú tại tổ 15, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, giao dịch nhờ bị cáo Nguyễn Thị H làm giả và chuyển cho H số tiền đặt cọc là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) để làm căn cước công dân. Sau khi H thông báo đã làm được căn cước công dân nhưng do đã tìm được công việc mới và sợ bị phát hiện nên anh Kiên không vào Thanh Hóa để gặp H nhận căn cước công dân giả nêu trên.

- Căn cước công dân số CCCD 038081670689, cấp ngày 24/01/2019, mang tên Nguyễn Đình Nam, sinh ngày 12/05/1981, thường trú; xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa là do anh Nguyễn Xuân Hoàng, sinh ngày 15/3/1980, trú tại 25 Hàng Khay, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giao dịch nhờ Nguyễn Thị H làm giả và đã chuyển cho H số tiền đặt cọc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để làm căn cước công dân và sau đó anh Hoàng không thấy H liên lạc lại về việc đã làm được căn cước công dân giả hay chưa thì hành vi vi phạm của H bị phát hiện.

Đối với Phạm Văn Trung là người được Nguyễn Thị H thuê để đưa người đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục cấp hộ chiếu. Vì Trung không biết Nguyễn Thị H làm giả tài liệu. Cơ quan Điều tra đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm.

Đối với Đặng Trung Kiên và Nguyễn Xuân Hoàng là những người thuê Nguyễn Thị H làm căn cước công dân giả. Sau khi đã thỏa thuận và đặt cọc tiền

để nhờ bị cáo H làm nhưng cả anh Kiên và Hoàng đều chưa nhận được căn cước công dân giả nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với đối tượng có tên Nick Zalo “Phương Linh” do bị cáo Nguyễn Thị H khai chưa rõ về nhân thân lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tài sản thu giữ là chiếc xe mô tô BKS: 36B4-785.46 là của ông Nguyễn Đăng Hải (Bố đẻ Nguyễn Thị H), Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Hải.

- Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT đã chuyển cho Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa 01(Một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng gold, số IMEI 359217078164362, máy đã qua sử dụng; 02 (Hai) cuốn hộ chiếu gồm: Hộ chiếu số C9060428 ngày cấp 25/3/2020 mang tên Nguyễn Thị Nga và hộ chiếu số C9065890 ngày cấp 10/3/2020 mang tên Trần Đình Tiến và 02 phòng bì đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa bên trong có chứa các căn cước công dân giả, theo Kết luận giám định số 1953 ngày 20/7/2020 và Kết luận số 1689 ngày 24/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tại cấp sơ thẩm, Nguyễn Thị H khai, là đối tượng đã từng sang nước Nga lao động nhưng bị trục xuất, khi về nước không có việc làm lại phải nuôi con nhỏ, đầu năm 2019 có người quen bên nước Nga nhờ H làm hộ chiếu. Sau khi tìm hiểu trên mạng xã hội và đã kết nối với đối tượng có tên Nick Zalo “Phương Linh” để nhận làm giả căn cước và chứng minh nhân dân.

Từ đầu năm đến tháng 06/2020, Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với Hoàng Thị Nhung, Trần Văn T, Nguyễn Thị Việt và Bùi Thị G để làm 04 căn cước công dân giả cho các đối tượng này. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), hiện tại H đã trả lại cho Bùi Thị G 10.000.000đ (Mười triệu đồng), cho Hoàng Thị Nhung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ngoài hành vi trên Nguyễn Thị H còn làm 02 căn cước công dân giả cho anh Đặng Trung Kiên ở thành phố Thái Bình và anh Nguyễn Xuân Hoàng ở TP Hà Nội để nhận tiền đặt cọc là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Các bị cáo Nguyễn Thị Việt, Hoàng Thị Nhung, Trần Văn T và Bùi Thị G đều khai nhận, do có nhu cầu làm hộ chiếu để được xuất cảnh, qua tìm hiểu thông tin trên mạng xã hội và có người giới thiệu Nguyễn Thị H làm được các giấy tờ giả và cho số điện thoại của H để liên lạc, vì thế nên đã chủ động liên hệ với H để thỏa thuận giá cả, số tiền phải đặt cọc hoặc cung cấp các thông tin cần thiết, thời gian, địa điểm giao nhận. Hành vi thuê Nguyễn Thị H làm giả tài liệu của các bị cáo là độc lập, từng bị cáo trực tiếp chủ động trao đổi với H, không có sự bàn bạc với nhau.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 154/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự (BLHS); Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt tù đối với các bị cáo khác không có kháng cáo, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị cáo Trần Văn T kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T vắng mặt không có lý do.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng và tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 BLTTHS, nên đơn kháng cáo của bị cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290; điểm c khoản 1 Điều 351 và điểm a khoản 1 Điều 352 BLTTHS vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại cấp sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tại cấp phúc thẩm, bị cáo vắng mặt, HĐXX căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể:

Vào khoảng đầu năm 2020, qua việc trò chuyện tình cờ với bạn đang lao động tại Nga thì được người này cho số điện thoại của Nguyễn Thị H để nhờ làm giấy tờ, thủ tục xuất cảnh sang Nga. Khoảng tháng 02/2020, T chủ động liên lạc với H để đặt vấn đề làm hộ chiếu với chi phí thỏa thuận 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). T đã đặt cọc trước số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đồng thời chụp ảnh mặt trước, mặt sau chứng minh nhân dân và ảnh chân dung (3x4) cm của mình gửi qua Zalo cho H để làm căn cước công dân giả.

Khoảng 01 tuần sau, H thông báo cho T đã làm được căn cước công dân và hẹn gặp ở khu vực tượng đài Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa để nhận căn cước công dân. Tại đây H đưa cho T 01 căn cước công dân mang tên Trần Đình Tiến,

sinh ngày 25/02/1991 số CCCD 038091005396, thường trú tại xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhưng ảnh trong căn cước là ảnh của T và H nhờ Phạm Văn Trung đưa T đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục kê khai cấp hộ chiếu.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, các kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Trần Văn T sử dụng 01 căn cước giả để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của BLHS. Cấp sơ thẩm xác định tội danh và khung hình phạt cho bị cáo như trên là chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Xét tính chất vụ án và trách nhiệm hình sự của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã gây nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng các hành vi phạm tội lại độc lập theo tính chất vụ việc, mỗi bị cáo chỉ thỏa thuận phương thức, thời gian, địa điểm giao nhận tài liệu và số tiền phải thanh toán của từng đối tượng cho Nguyễn Thị H, do vậy không mang tính đồng phạm.

Hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo nhằm mục đích lừa dối cơ quan, tổ chức để đạt mưu lợi cá nhân nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Mặc dù hành vi của bị cáo có mức độ nhất định và ít nghiêm trọng, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 28/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã ra quyết định truy nã toàn quốc, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của BLHS thì bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo, do vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội.

[4] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T*:

[4.1] Nhận thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo sau khi biết mình truy nã đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, đã xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2] Tại cấp phúc thẩm bị cáo vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hơn nữa bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ để xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T là có căn cứ pháp luật.

[5] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí HSPT do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356; Điểm d khoản 2 Điều 290; điểm c khoản 1 Điều 351 và điểm a khoản 1 Điều 352 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 154/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND, VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Quốc Thành